

Số: 665/QĐ-SNN

Bắc Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III/2018
(Nguồn chi Sự nghiệp kinh tế Văn phòng Sở)

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-SNN ngày 25/01/2018 của Sở Nông nghiệp & PTNT V/v giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2018.

Căn cứ đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Giang Quý III/2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng KHTC Sở:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước Quý II/2018 của Sở Nông nghiệp & PTNT (Nguồn chi SNKT Nông nghiệp) theo mẫu biểu 03 đính kèm.

Điều 2. Văn phòng Sở, Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở và các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

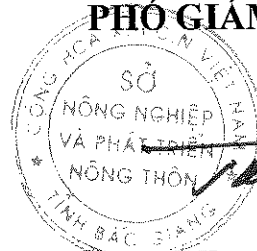
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: KHTC, VT.

Bản điện tử:

- Sở Tài chính, KBNN tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban Sở.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Thanh Tùng

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NSNN (NGUỒN SỰ NGHIỆP) QUÝ III/NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 665 /QĐ-SNN ngày 18/10/2018 của Sở Nông nghiệp & PTNT)

MÃ CHƯƠNG: 412

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm	Thực hiện Quý III/2018	So sánh TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	4	5
	A- Chi Quản lý nhà nước	0	0	0	0
	B- Chi sự nghiệp kinh tế Nông nghiệp	10.555.600,0	1.643.601,4	17,7	0,0
	* Chi không thường xuyên (Loại 280-281):	10.555.600,0	1.643.601,4	17,7	0,0
1	Chỉ đạo Chương trình PTSX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	100.000,0	40.450	40,5	
2	Đoàn kiểm tra liên ngành về KD giống cây trồng vật nuôi, VTNN, thuốc BVTV	405.000,0	302.441	74,7	
3	Kinh phí thực hiện các đề án, dự án, chính sách phục vụ CTPTSXNNHH	8.730.600,0	970.710,4	11,1	
	+ Đề án nâng cao chất lượng giống gia cầm	1.000.000,0		0,0	
	+ Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020	7.730.600,0	970.710	12,6	
4	Kinh phí tập huấn Chương trình VietGAP	90.000,0	55.000	61,1	
5	Kinh phí hoạt động của cơ quan thường trực BCD tỉnh về TH Chỉ thị số 12-CT-TU của BTV tỉnh uỷ và NQ số 06/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	100.000,00		0,0	
6	Kinh phí tham quan, học tập mô hình phát triển sản xuất, đồn điền đổi thửa, cánh đồng mẫu lớn, khu nông nghiệp công nghệ cao	180.000,0		0,0	
7	Kinh phí chỉ đạo, kiểm tra, nghiệm thu cánh đồng mẫu	50.000,0		0,0	
8	Trợ giá đàn lợn giống gốc	900.000,0	275.000	30,6	
	C- Kinh phí Sự nghiệp Thuỷ lợi	180.000,0	0,0	0,0	0,0
	* Chi không thường xuyên (Loại 280-283):	180.000,0	0,0	0,0	0,0
1	Ban chỉ huy phòng chống lụt bão hồ Cẩm Sơn	180.000,0		0,0	0,0
2	- Bù điện tiêu úng	0,0		0,0	0,0
3	- Duy tu sửa chữa các CTTL	0,0		0,0	0,0
	D- Kinh phí Sự nghiệp Thuỷ sản	0,0	0,0	0,0	0,0
	* Chi không thường xuyên (Loại 280-284):	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Mua cá giống thả hồ Cẩm Sơn	0,0		0,0	0,0
	E- Chi Chương trình MTQG	0,0	0,0	0,0	0,0
	* Chi không thường xuyên (Loại 010-014):	0,0	0,0	0,0	0,0
	Tổng cộng	10.735.600,0	1.643.601,4	17,7	0,0